

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13- GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/DS-ST

Ngày 23/12/2025

“V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh;
2. Ông Lữ Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13-Gia Lai.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13-Gia Lai - Cơ sở B - C N, phường A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-DS ngày 08/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Diệp Thị L, sinh năm 1973; số định danh cá nhân: 052173013665; nơi thường trú: Tổ T, phường A, tỉnh Gia Lai;

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Đặng Trần Diệu H, sinh năm 1986; nơi thường trú: Hẻm A Đ, Tổ H, phường A, tỉnh Gia Lai; Giấy uỷ quyền được công chứng viên Văn phòng C chứng nhận ngày 25/11/2025, số công chứng 03632/quyền số 03-2025/CCGD; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thái H1, sinh năm 1982; số định danh cá nhân: 064182001322; nơi thường trú: Thôn D A, xã Đ, tỉnh Gia Lai; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đại diện nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn bà Diệp Thị L có cho bà Nguyễn Thị Thái H1 vay 3 lần tiền cụ thể:

- Ngày 25/4/2023 âm lịch vay 30.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay đến ngày 25/9/2023 âm lịch;

- Ngày 27/5/2023 âm lịch vay 30.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay đến ngày 27/10/2023 âm lịch;

- Ngày 05/6/2023 âm lịch vay 45.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay đến ngày 05/11/2023 âm lịch.

Trong thời gian vay bà H1 không trả lãi và gốc như thuận. Đến tháng 6 năm 2025 bà L và bà H1 tính toán lại khoản nợ và xác định bà H1 còn nợ bà L số tiền gốc là 68.000.000đ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả một lần tiền gốc còn nợ là 68.000.000đ và tiền lãi tính từ tháng 6/2025 đến nay theo mức lãi suất 20%/năm.

2. Lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thái H1 trình bày: Tôi thừa nhận vào năm 2023 tôi có vay tiền của bà L, tuy nhiên số tiền ghi trong 3 giấy mượn tiền nêu trên là bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Hai giấy mượn tiền ngày 25/4/2023 âm lịch và ngày 27/5/2023 âm lịch số tiền gốc thực nhận là 26.000.000đ, tiền lãi là 4.000.000đ, bà L yêu cầu ghi giấy mượn tiền 30.000.000đ. Mỗi ngày tôi phải trả cho mỗi khoản vay là 200.000đ, trả trong thời gian 05 tháng là hết 30.000.000đ. Giấy mượn tiền ngày 05/6/2023 âm lịch số tiền gốc vay là 39.000.000đ, tiền lãi là 6.000.000đ, bà L yêu cầu ghi giấy mượn tiền là 45.000.000đ. Mỗi ngày tôi phải trả cho khoản vay này là 300.000đ, trả trong thời gian 05 tháng là hết 45.000.000đ. Tôi đã trả tiền cho bà L được một thời gian thì không có khả năng trả tiền theo ngày nữa. Đến khoảng năm 2024 tôi và bà L chốt lại tôi còn nợ bà L 95.000.000đ, từ đó tôi tiếp tục chuyển trả dần cho bà L, đến tháng 6/2025 số tiền tôi còn nợ bà L là 68.000.000đ. Nay tôi đồng ý trả tiền gốc còn nợ là 68.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất như nguyên đơn yêu cầu, nhưng xin được gia hạn thời gian trả nợ, mỗi tháng trả 3.000.000đ cho đến khi hết số tiền còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Diệp Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thái H1; nơi thường trú: Thôn D A, xã Đ, tỉnh Gia Lai, phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Gia Lai.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ lời khai, các tài liệu có tại hồ sơ, đối chiếu với các quy định của pháp luật có liên quan và xem xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Theo nội dung các giấy có nội dung vay tiền mà bị đơn thừa nhận đã ký bên vay thể hiện bà Nguyễn Thị Thái H1 có vay của bà Diệp Thị L 03 lần: Ngày 25/4/2023 âm lịch vay 30.000.000đ, thời hạn vay đến 25/9/2023; ngày 27/5/2023 âm lịch vay 30.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 27/10/2023; ngày 05/6/2023 âm lịch vay 45.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 05/11/2025. Nội dung giấy vay không thể hiện thỏa thuận lãi suất vay, tuy nhiên các bên đều thừa nhận là khoản vay có lãi. Do vậy đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, hết thời hạn vay nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về số tiền gốc còn nợ và nghĩa vụ trả: Bị đơn cho rằng số tiền ghi trong giấy vay tiền nêu trên là bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi và bị đơn đã trả lãi đầy đủ cho đến tháng 6/2025 thì không trả nữa. Lời khai của bị đơn không được nguyên

đơn thừa nhận, bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu gì chứng minh nên không có cơ sở để trừ số tiền lãi đã trả vượt quá 20%/năm vào số tiền gốc. Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận vào tháng 6/2025 hai bên đã thống nhất số tiền gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là 68.000.000đ. Do vậy xác định số tiền gốc bị đơn còn nợ và có nghĩa vụ trả là 68.000.000đ.

[2.3] Về số tiền lãi bị đơn có nghĩa vụ trả: Do đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi theo mức lãi suất 20%/năm từ thời điểm tháng 6/2025 cho đến nay là phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Tiền lãi tính từ ngày tháng 6/2025 đến ngày ngày 23/12/2025 mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả $68.000.000đ \times 06 \text{ tháng} \times 1,67\%/tháng = 6.813.600đ$, là phù hợp nên cấp nhận.

Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bị đơn còn phải trả lãi theo mức lãi suất 20%/năm của số tiền gốc chưa thi hành và trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm của số tiền lãi chưa thi hành, theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.4] Về thời hạn trả: Bị đơn yêu cầu được gia hạn thời gian trả nợ, yêu cầu của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý, do vậy cần buộc bị đơn phải trả một lần số tiền gốc và lãi còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là $(68.000.000đ + 6.813.600đ) \times 5\% = 3.740.680đ$. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về yêu cầu của nguyên đơn: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thái H1 phải trả cho nguyên đơn bà Diệp Thị L số tiền còn nợ từ hợp đồng vay là 74.813.600đ (bảy mươi bốn triệu, tám trăm mười ba nghìn, sáu trăm đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 68.000.000đ (sáu mươi tám triệu đồng) và tiền nợ lãi tính đến ngày 23/12/2025 là 6.813.600đ (sáu triệu, tám trăm mười ba nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền gốc còn phải thi hành

án theo mức lãi suất 20%/năm và chịu tiền lãi trên số tiền lãi còn phải thi hành nêu trên theo mức lãi suất 10%/năm.

2. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thái H1 phải nộp 3.740.680đ (ba triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Diệp Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.016.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003763 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 23/12/2025.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo